TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **194/2026**/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2026
"V/v Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Mến.

Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 294/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22/10/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Thị Thu Y** – sinh năm 2004 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ D, ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh **Danh Quốc K** – sinh năm 2000 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 12/8/2025 và tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2026, nguyên đơn chị Thị Thu Y trình bày:

Vào tháng 10 năm 2020, chị và anh Danh Quốc K sau khi tự tìm hiểu tình cảm được khoảng một năm thì kết hôn với nhau. Hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và sau đó vợ chồng chị có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 28/4/2022.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Y là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, tranh cãi càng lúc càng nhiều. Và khi vợ chồng đang đi làm thuê trên Đồng Nai thì anh K bỏ về nhà cha mẹ chồng

sống, cắt đứt hết mọi liên lạc với chị nên vợ chồng tự ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh K có yêu cầu ly hôn nên chị và anh K có làm giấy tay ly hôn, giấy tay do anh K giữ. Sau đó cả hai không gặp mặt, không liên lạc, không hòa giải hay trao đổi gì với nhau cho đến nay. Nay, sau thời gian dài ly thân chị xét thấy không thể hàn gắn nên xin được ly hôn, để trả cho cả hai sự tự do, không ràng buột gì với nhau về sau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Danh Minh K1 – sinh ngày 05/10/2021, cháu K1 hiện tại đang sống cùng anh K và gia đình bên nội.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân, chị Thị Thu Y yêu cầu được ly hôn với anh Danh Quốc K; Về con chung, chị Y đồng ý giao con chung là Danh Minh K1 – sinh ngày 05/10/2021 cho anh K tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: chị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Danh Quốc K không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh K nhưng chị không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh K.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Thị Thu Y được ly hôn với anh Danh Quốc K; Về con chung: Giao con chung tên Danh Minh K1 – sinh ngày 05/10/2021 cho anh Danh Quốc K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản chung, nợ chung: không có và chị Y không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị Thu Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh Quốc K được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Chị Thị Thu Y với tư cách là nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

Anh Danh Quốc K với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh K không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc khác, anh Danh Quốc K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Danh Quốc K.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị Thu Y và anh Danh Quốc K xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 28/4/2022, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Thị Thu Y được ly hôn với anh Danh Quốc K vì lý do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Và khi vợ chồng đang đi làm thuê trên Đồng Nai thì anh K bỏ về nhà cha mẹ chồng sống, cắt đứt hết mọi liên lạc với chị nên vợ chồng tự ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Từ ngày ly thân chị và anh K không gặp mặt, không hòa giải với nhau, anh K đi làm xa, chị và anh K cũng không gặp mặt, im lặng kéo dài đến nay. Đối với anh Danh Quốc K, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh K đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Chị Thị Thu Y khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng chị không hòa giải được với nhau, bản thân chị thì không còn tình cảm gì với anh K và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh K. HĐXX thấy rằng, chị Thị Thu Y và anh Danh Quốc K đã không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân là để cả hai có thời gian cùng nhau nhìn lại những gì đã trãi qua nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị Thu Y là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Thị Thu Y xác định vợ chồng có 01 con chung là Danh Minh K1 – sinh ngày 05/10/2021. Cháu K1 hiện nay đang sống cùng với anh K nên chị Y đồng ý giao cháu K1 cho anh K tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét từ yêu cầu nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị Thu Y xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Do anh Danh Quốc K không có ý kiến tại Tòa về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên thì anh K có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn chị Thị Thu Y phải chịu nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị Thu Y được ly hôn với anh Danh Quốc K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Minh K1 – sinh ngày 05/10/2021 cho anh Danh Quốc K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Thị Thu Y không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở chị Y thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Chị Thị Thu Y phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004941, ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Thị Thu Y đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 09/6/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 5;*
- *Phòng THADS khu vực 5;*
- *UBND xã Định Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhập